TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 16-8-2024.
V/v: *"Kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con chung".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Dhiễu Hmok.

2. Ông Bùi Ngọc Khánh.

-Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2024 tại phòng xử án, Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ mở phiên toà xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 86/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2024 về việc *"Kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con chung"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2024, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức V, sinh năm: 1987. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 48 Đào Duy T, TDP 3, phường Bình T, thị xã Buôn H, tỉnh Đăk Lăk.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hoài Đ, sinh năm 1991. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Số 48 Đào Duy T, TDP 3, phường Bình T, thị xã Buôn H, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án anh V là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị Đ về sống chung với nhau từ năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND phường Bình T, thị xã Buôn H, tỉnh Đăk Lăk, kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, sau khi về sống chung hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng nhiều quan điểm nên xảy ra nhiều cuộc cãi vã làm mất tình cảm vợ chồng, hiện anh V và chị Đ đã sống ly thân, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa, nay anh V yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đ.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại anh V và chị Đ chưa có con chung, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Anh V không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án chị Đ là bị đơn: Cố tình lẩn tránh, không hợp tác nên không ghi nhận được ý kiến của chị Đ và chị Đ cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh V.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự có trong hồ sơ vụ án do chủ tọa phiên tòa đã công bố tại phiên tòa thể hiện việc anh V khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Đ là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Cho anh V được ly hôn với chị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Pháp luật về tố tụng: Việc anh Nguyễn Đức V khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Hoài Đ, Toà án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự đến Tòa án để công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị Đ cố tình lẩn tránh, không hợp tác, vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án không thể tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự được mà tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi chị Đ cư trú. Căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị

xét xử vắng mặt, căn cứ điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Pháp luật về nội dung:

2.1, Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị Đ về sống chung với nhau từ năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND phường Bình T, thị xã Buôn H, tỉnh Đăk Lăk theo giấy chứng nhận kết hôn số 26/2014/KH ngày 15/5/2014. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do tính tình không hợp, bất đồng nhiều quan điểm nên xảy ra nhiều cuộc cãi vã làm mất tình cảm vợ chồng, hiện anh V và chị Đ đã sống ly thân, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa, nay anh V yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đ.

Căn cứ vào lời khai của đương sự và qua xác minh tại chính quyền địa phương thì anh V và chị Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện tại hai người đã sống ly thân. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa anh V và chị Đ ngày càng trầm trọng, giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại. Vì vậy, việc anh V yêu cầu ly hôn với chị Đ là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

2.2, Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại anh V và chị Đ chưa có con chung, nên không đề cập xem xét.

2.3, Về tài sản và nợ chung: Anh V không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Anh V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Đức V.

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Đức V được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hoài Đ.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại anh V và chị Đ chưa có con chung, nên không đề cập xem xét.

3. Về tài sản và nợ chung: Anh V không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 19; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Anh V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS thị xã Buôn Hồ theo biên lai số AA/2023/0001504 ngày 19/4/2024.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- Viện KSND TX Buôn Hồ;
- Chi cục THADS TX Buôn Hồ;
- UBND P. Bình Tân, TX Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã Ký

Nguyễn Huy Vũ